

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CÔNG TY	5
Điều 1: Giải thích từ ngữ	5
Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở và thời hạn hoạt động của Công ty	7
Điều 3: Ngành nghề kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Công ty	8
Điều 4: Đại diện theo pháp luật của Công ty	9
Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Công ty	9
CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	9
Điều 6: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	9
Điều 7: Tăng, giảm vốn điều lệ	10
Điều 8: Chứng chỉ cổ phiếu	11
Điều 9: Chứng chỉ chứng khoán khác	12
Điều 10: Sổ đăng ký cổ đông	12
Điều 11: Chuyển nhượng, thừa kế cổ phần	12
Điều 12: Thu hồi cổ phần	13
Điều 13: Mua lại cổ phần	13
CHƯƠNG III : CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	14
Điều 14: Cơ cấu tổ chức quản lý	14
Mục 1: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	14
Điều 15: Quyền hạn của cổ đông Công ty	14
Điều 16: Quyền của cổ đông phổ thông	14
Điều 17: Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông	16
Điều 18: Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông ưu đãi.	17
Điều 19: Thay đổi quyền và nghĩa vụ của cổ đông	17
Điều 20: Đại diện của cổ đông	17
Điều 21: Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 22: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 23: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông và công tác chuẩn bị	20
Điều 24: Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 25: Thủ tục tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 26: Thủ tục tổ chức Đại hội cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:	24
Điều 27: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	26

Điều 28: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 29: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	28
Mục 2: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Điều 30: Thành phần và nhiệm kỳ	28
Điều 31: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	30
Điều 32: Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị	32
Điều 33: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	33
Điều 34: Nguyên tắc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị và Biên bản họp Hội đồng quản trị	35
Điều 35: Thường trực Hội đồng quản trị	
Mục 3: TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	
Điều 36: Tổ chức bộ máy quản lý điều hành	37
Điều 37: Tổng giám đốc Công ty	37
Điều 38: Cán bộ quản lý khác	39
Điều 39: Thư ký Công ty	39
Điều 40: Nghĩa vụ của người quản lý Công ty	40
Mục 4: BAN KIỂM SOÁT	
Điều 41: Thành viên Ban kiểm soát	40
Điều 42: Thẩm quyền của Ban kiểm soát	42
CHƯƠNG IV: CHẾ ĐỘ THÔNG TIN VÀ QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH, HỒ SƠ CÔNG TY	
Điều 43: Công khai lợi ích	45
Điều 44: Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị chấp thuận	46
Điều 45: Báo cáo thường niên	47
Điều 46: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	48
Điều 47: Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	49
CHƯƠNG V: QUY ĐỊNH VỀ BẢO MẬT THÔNG TIN	
Điều 48: Thông tin mật	49
Điều 49: Chế độ bảo mật thông tin	49
CHƯƠNG VI: TÀI CHÍNH – LỢI NHUẬN	
Điều 50: Năm tài chính	50
Điều 51: Phân phối lợi nhuận	50
Điều 52: Trả cổ tức	51
Điều 53: Tài khoản ngân hàng	52
Điều 54: Hệ thống kế toán	52

CHƯƠNG VII: CON DẤU	52
Điều 55: Sử dụng con dấu	52
CHƯƠNG VIII: TỔ CHỨC LẠI VÀ CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG	53
Điều 56: Tổ chức lại Công ty	53
Điều 57: Chấm dứt hoạt động Công ty	54
Điều 58: Thanh lý	55
CHƯƠNG IX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	55
Điều 59 Giải quyết tranh chấp nội bộ	55
CHƯƠNG X: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	56
Điều 60: Công nhân viên và công đoàn	56
CHƯƠNG XI: HIỆU LỰC THI HÀNH	56
Điều 61: Hiệu lực	56
Điều 62. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty./.	56

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Tây được Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500391400, đăng ký lần đầu ngày 10/01/2001 và đăng ký thay đổi lần 15 ngày 04/11/2014 (sau đây gọi là "Công ty") là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty.

Điều lệ này được xây dựng căn cứ vào:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Quyết định số 15/2007/QĐ-BTC ngày 19/03/2007 của Bộ Tài chính ban hành Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm giao dịch chứng khoán.

Điều lệ này được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông vào ngày 20/4/2015, thay thế cho Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 11/3/2011, được sửa đổi bổ sung phù hợp với những quy định của pháp luật hiện hành và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CÔNG TY

Điều 1: Giải thích từ ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. *Vốn điều lệ* là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được quy định tại Điều 6 của Điều lệ này. Vốn điều lệ của Công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau, mỗi phần được gọi là một cổ phần.
 - b. *Cổ phần* là phần chia nhỏ và bằng nhau của Vốn điều lệ. Cổ phần của Công ty gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi các loại do Công ty phát hành.
 - c. *Cổ đông* là người sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty. Cổ đông có thể là cá nhân hoặc pháp nhân. Cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được gọi là *cổ đông lớn*.

Cổ đông sáng lập là cổ đông tham gia thành lập công ty và được quy định tại Điều 6 của Điều lệ này.

d. *Cổ phiếu* là chứng chỉ bằng văn bản do Công ty ban hành hoặc bút toán ghi sổ hoặc thông điệp dữ liệu (file điện tử) xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu có thể là cổ phiếu ghi danh (cổ phiếu có tên của cổ đông sở hữu cổ phiếu) hoặc cổ phiếu vô danh (cổ phiếu không có tên của cổ đông sở hữu cổ phiếu).

e. *Trái phiếu* là một loại chứng chỉ do Công ty phát hành để xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn nợ của Công ty.

f. *Quyền mua cổ phần* là một chứng chỉ do Công ty phát hành kèm theo đợt phát hành cổ phần bổ sung nhằm bảo đảm cho cổ đông hiện hữu quyền mua cổ phiếu mới theo những điều kiện đã xác định.

g. *Chứng quyền* là loại chứng khoán được phát hành cùng với việc phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi, cho phép người sở hữu chứng khoán được quyền mua một số cổ phiếu phổ thông nhất định theo mức giá đã được xác định trước trong thời kỳ nhất định.

h. *Hợp đồng tương lai* là cam kết mua hoặc bán các loại chứng khoán, nhóm chứng khoán của Công ty với một số lượng và mức giá nhất định vào ngày xác định trước trong tương lai.

i. *Cổ tức* là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ về tài chính.

j. *Tài sản góp vốn* là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật và các tài sản hợp pháp khác được cổ đông sử dụng để góp vốn vào Công ty.

Cổ đông phải chuyển quyền sở hữu đối với tài sản góp vốn cho Công ty theo quy định của pháp luật và đảm bảo tránh mọi tranh chấp liên quan đến tài sản góp vốn cho Công ty.

k. *Người quản lý* là người được bầu, bổ nhiệm hoặc thuê để thực hiện các công việc hoạch định, điều hành, giám sát trong Công ty, bao gồm: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng và Phó các phòng ban, đơn vị hạch toán độc lập, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty.

l. *Người liên quan* là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty, bao gồm :

- Công ty mẹ của Công ty, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó;

- Công ty con của Công ty, người quản lý công ty con và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó;
 - Người quản lý Công ty, cổ đông hoặc nhóm cổ đông người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của Công ty;
 - Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Công ty hoặc các thành viên cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối.
 - Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người quy định ở trên;
 - Các tổ chức kinh tế (doanh nghiệp, hộ kinh doanh và các tổ chức khác có chức năng hoạt động kinh doanh) mà những người quy định ở trên có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở tổ chức đó.
 - Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm cổ phần của Công ty để chi phối việc ra quyết định của Công ty;
2. Những từ hoặc thuật ngữ khác đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn sẽ có ý nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu chúng không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.
3. Trong điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế chúng.
4. Các tiêu đề (chương, điều) trong Điều lệ này được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:
 - Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY
 - Tên tiếng nước ngoài: HATAY PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY
 - Tên viết tắt: HATAPHAR
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
 - Địa chỉ: 10 A Phố Quang Trung, Phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
 - Điện thoại: (84) 0433824685
 - Fax: (84) 0433829054
 - Website: www.hataphar.com.vn
 - Email: Hataphar@fpt.vn

4. Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập trừ trường hợp chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 3: Ngành nghề kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Công ty được quyền tiến hành hoạt động kinh doanh các ngành nghề phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cụ thể như sau:

- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu. Chi tiết: Doanh nghiệp sản xuất thuốc; Sản xuất dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc và trang thiết bị y tế;
 - Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Nhà thuốc, quầy thuốc, đại lý bán thuốc của doanh nghiệp
 - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Kinh doanh vacxin, sinh phẩm y tế; Mua bán hoá chất và hoá chất xét nghiệm (trừ loại hoá chất Nhà nước cấm); Kinh doanh dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, thực phẩm, thuốc và trang thiết bị y tế;
 - Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Dạy nghề; Giáo dục Trung cấp chuyên nghiệp; Giáo dục nghề nghiệp;
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Dịch vụ nhà đất; Kinh doanh siêu thị; Dịch vụ nhà ở, văn phòng; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc và trang thiết bị y tế;
 - Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng;
 - Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: thực phẩm chức năng; thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm bổ dưỡng;
 - Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử viễn thông;
 - Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Kinh doanh những ngành nghề khác mà pháp luật không cấm
- Ngành nghề kinh doanh của Công ty có thể được thay đổi bằng một quyết định hợp lệ và hợp pháp của Hội đồng quản trị. Bất kỳ một sự thay đổi nào về ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp cũng phải được sửa đổi, bổ sung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- Cung cấp thuốc và các sản phẩm y tế cho người dân với chất lượng đạt chuẩn và giá cả hợp lý, đảm bảo sức khỏe cộng đồng và góp phần bình ổn thị trường thuốc và các sản phẩm y tế;
- Khuyến khích các chương trình nghiên cứu liên quan đến y dược và tinh thần sáng tạo trong sản xuất, cải tiến công nghệ nhằm đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ của

Công ty, nâng cao năng suất sản xuất và chất lượng của sản phẩm, dịch vụ, hạ giá thành sản phẩm, dịch vụ từ đó giúp cho người tiêu dùng có thể có được những sản phẩm, dịch vụ tốt với giá cả hợp lý;

- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh các loại sản phẩm theo chức năng, ngành nghề ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhằm tối đa hóa các khoản lợi nhuận hợp lý, tăng lợi tức cho cổ đông và phát triển Công ty ngày càng vững mạnh;
- Tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động;
- Đóng góp cho Ngân sách nhà nước

Điều 4: Đại diện theo pháp luật của Công ty

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Công ty

1. Công ty là đơn vị kinh doanh tự chủ, tự quản về tổ chức, tài chính, quản lý, hoạt động và có quyền làm mọi việc mà pháp luật không cấm. Công ty có nghĩa vụ tuân thủ các quy định của pháp luật trong việc tổ chức và hoạt động của mình; thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định của pháp luật; tôn trọng cam kết với khách hàng, với người lao động và chịu trách nhiệm vật chất theo quy định của pháp luật.
2. Công ty chỉ được tiến hành thực hiện tất cả các hoạt động phù hợp với ngành nghề kinh doanh đã được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Công ty không được tiến hành hoạt động kinh doanh đối với những ngành nghề bị cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật.
3. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán và Điều lệ này để huy động vốn cho Công ty khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua một cách hợp lệ.
4. Công ty có thể thành lập công ty con, công ty liên kết, chi nhánh và văn phòng đại diện, mở các địa điểm kinh doanh trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, Công ty có chi nhánh và các văn phòng đại diện được thành lập tại các địa bàn nêu ở Phụ lục số 01 đính kèm. Bản Phụ lục là một phần của Điều lệ này.

CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vào ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là 125.636.910.000 VND (một trăm hai mươi lăm tỷ sáu trăm ba mươi sáu triệu chín trăm mười nghìn đồng).
2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 12.563.691 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.
3. Công ty có thể tăng, giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 16 và Điều 17 Điều lệ này.
Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi nhằm đáp ứng nhu cầu về vốn và mục tiêu quản lý, kinh doanh của Công ty khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật để cổ đông có thể đăng ký mua.
6. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán/ Trung tâm giao dịch chứng khoán.
7. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại phụ lục số 02 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

Điều 7: Tăng, giảm vốn điều lệ

1. Đại hội đồng cổ đông Công ty có thể quyết định tăng vốn điều lệ nếu thấy cần cho việc mở rộng quy mô đầu tư, kinh doanh hoặc có thể quyết định giảm vốn điều lệ nếu thấy cần thu hẹp quy mô kinh doanh khi hoạt động kém hiệu quả.
2. Việc tăng vốn điều lệ có thể bằng cách:
 - a. Phát hành cổ phần mới;
 - b. Chuyển trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu;
 - c. Chuyển phần thặng dư vốn vào vốn điều lệ;
 - d. Các hình thức khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
3. Việc giảm vốn điều lệ có thể bằng cách:

- a. Hoàn trả một phần vốn góp cho thành viên theo tỷ lệ vốn góp của họ trong vốn điều lệ của Công ty, nếu đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn hai năm kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho thành viên;
- b. Công ty mua lại phần vốn góp của thành viên;
- c. Vốn Điều lệ không được các thành viên thanh toán đầy đủ và đúng hạn.

Điều 8: Chứng chỉ cổ phiếu

1. Mọi cổ đông đều có quyền được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận ghi nhận quyền sở hữu đối với một hoặc một số cổ phần nhất định của Công ty và gọi là cổ phiếu.
2. Mọi cổ phiếu phát hành phải được đóng dấu của Công ty và có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty. Chứng chỉ này nêu rõ số lượng và loại cổ phần có liên quan, mệnh giá và tổng mệnh giá của số cổ phần ghi trên cổ phiếu, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác mà Luật Doanh nghiệp quy định.
3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp miễn phí một chứng chỉ cổ phiếu.
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong một cổ phiếu ghi danh thì chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và một chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.
6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.
7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc

phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 9: Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 10: Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải ghi đầy đủ nội dung về cổ đông của công ty như tên, quốc tịch và địa chỉ thường trú của cổ đông, loại và số cổ phần mà họ sở hữu, ngày đăng ký cổ phần.
3. Công ty phải thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh và các cổ đông nơi lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông.

Điều 11: Chuyển nhượng, thừa kế cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng, trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.
3. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán/ sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và quy chế hoạt động của Sở giao dịch chứng khoán đó.
4. Trong trường hợp một cổ đông của Công ty bị chết, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết sẽ được Công ty thừa nhận là (những) người duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không giải tỏa tài sản của cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ. Những người này cũng phải gửi thông báo bằng văn bản theo phương thức đảm bảo đến được trụ sở của Công ty về việc được hưởng thừa kế cổ phần này.

Điều 12: Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị phải gửi văn bản thông báo yêu cầu người mua phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình đối với công ty. Thông báo yêu cầu thanh toán nêu trên phải ghi rõ số tiền phải thanh toán và lãi suất (nếu có), thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ nếu không thanh toán theo đúng yêu cầu thì số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi và người mua sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Nếu hết thời hạn được ghi trong thông báo mà người mua vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì Công ty có quyền thu hồi số cổ phần chưa được thanh toán. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước khi tiến hành việc thu hồi trên thực tế. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.
3. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp với quy định của Điều lệ này, quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
4. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó và phải thanh toán các chi phí liên quan đến việc thu hồi, tiền lãi (nếu có) cũng như bồi thường những thiệt hại phát sinh cho Công ty. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ các khoản chi phí kể trên hoặc có thể miễn giảm một phần/toàn bộ số tiền đó.

Điều 13: Mua lại cổ phần

1. Công ty có thể mua cổ phần đã phát hành của chính mình theo những cách thức được quy định trong Điều lệ và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại được giữ làm cổ phần quỹ của Công ty và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Hội đồng quản trị cũng có thể kiến nghị với Đại hội đồng cổ đông trích từ cổ phần quỹ một tỷ lệ dùng làm cổ phần thưởng. Mức trích và đối tượng được nhận cổ phần thưởng do Hội đồng quản trị quyết định tùy từng trường hợp cụ thể và phải báo cáo với Đại hội đồng cổ đông trong cuộc họp gần nhất.

2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty:

- a. Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi (trừ cổ phần ưu đãi hoàn lại) đã bán.
 - b. Hội đồng quản trị quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần đã phát hành, trường hợp còn lại do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
 - c. Giá mua lại cổ phần do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua.
3. Công ty chỉ được thanh toán số cổ phần mua lại nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại Công ty vẫn bảo đảm trả đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác. Nếu việc thanh toán này làm giảm 10% tổng tài sản của Công ty ghi trong sổ kế toán thì Công ty phải thông báo tình trạng này cho Đại hội đồng cổ đông biết trong cuộc họp gần nhất.

CHƯƠNG III : CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 14: Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị và thường trực Hội đồng quản trị;
- c. Tổng giám đốc;
- d. Ban kiểm soát.

Mục 1: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 15: Quyền hạn của cổ đông Công ty

Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật .

Điều 16: Quyền của cổ đông phổ thông

1. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền theo thể thức quy định tại Điều 21 của Điều lệ này;
 - b. Nhận cổ tức;

- c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
- d. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
- e. Xem xét, tra cứu, trích lục và sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- f. Xem xét, tra cứu, trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- g. Trong trường hợp Công ty bị giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ và sau các cổ đông ưu đãi theo quy định của pháp luật;
- h. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

2. Cổ đông hoặc một nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 06 (sáu) tháng trở lên có các quyền sau:

- a. Xem xét, sao chụp sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính của Công ty giữa năm và hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát;
- b. Đề cử người khác hoặc tự đề cử mình làm thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này;
- c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty;
Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản và phải có họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; chữ ký của các cổ đông liên quan.
- d. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:
 - Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền;
 - Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị vượt quá 06 (sáu) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được lập thành văn bản, nêu rõ họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng

thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan).

e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 17: Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

1. Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

a. Tuân thủ Điều lệ và các quy chế của Công ty; chấp hành các quyết định, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;

b. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty tương ứng với số cổ phần mà mình nắm giữ;

c. Thanh toán đủ và đúng hạn số cổ phần cam kết mua hoặc đăng ký mua;

d. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại một cách hợp lệ. Nếu xảy ra việc rút vốn trái quy định này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút;

e. Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên phải báo cáo và công bố thông tin với Cơ quan chức năng trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó;

f. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này.

2. Cổ đông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 18: Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông ưu đãi.

Các cổ đông ưu đãi sẽ có các quyền và nghĩa vụ như cổ đông phổ thông, trừ những quyền và nghĩa vụ đặc thù được quy định riêng cho từng loại cổ phần ưu đãi theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty.

Điều 19: Thay đổi quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.
2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 25 và Điều 28.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 20: Đại diện của cổ đông

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông thông qua người đại diện hợp pháp của mình đại diện theo pháp luật hoặc đại diện được ủy quyền.
2. Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình tại Công ty. Trường hợp cổ đông là người chưa đủ năng lực hành vi dân sự, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì quyền và nghĩa vụ của cổ đông này được thực hiện thông qua người đại diện theo pháp luật hoặc người giám hộ của cổ đông đó.

3. Cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền (nhưng không quá 03 người) thực hiện các quyền cổ đông tại Công ty. Nếu cử nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số cổ phiếu bầu của từng người đại diện.
4. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện của cổ đông phải được thông báo bằng văn bản (kèm theo văn bản ủy quyền hợp lệ) đến Công ty ngay khi có chỉ định về việc này. Văn bản ủy quyền phải được lập theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông là cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền;
 - b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền;
 - c. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty);
 - d. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền.
5. Nếu việc uỷ quyền liên quan đến việc dự họp Đại hội đồng cổ đông thì người được uỷ quyền phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp. Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
 - c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện nêu trên chậm nhất 48 (bốn mươi tám) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 21: Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên phải họp ít nhất mỗi năm một lần trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính (thời hạn này có thể được gia hạn theo quy định của Điều 136 mục 2 Luật doanh nghiệp) và phải tiến hành dưới hình thức phiên họp.

Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do Hội đồng quản trị quy định tùy từng thời điểm. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự cuộc họp để tư vấn cho Đại hội những vấn đề có liên quan. Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ xem xét và quyết định những vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị về thực trạng quản lý kinh doanh của Công ty;
 - c. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về công việc quản lý của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và phân tích hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - e. Mức cổ tức đối với mỗi loại cổ phần;
 - f. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
3. Đại hội đồng cổ đông bất thường phải được triệu tập trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty hoặc có dấu hiệu thất thoát về tài chính, tài sản của Công ty;
 - b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy Vốn điều lệ đã bị mất một nửa;
 - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị giảm quá 1/3 số thành viên được quy định trong Điều lệ;
 - d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 16.2 của Điều lệ;
 - e. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát khi Ban kiểm soát có lý do tin rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc bộ máy quản lý Công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều lệ này, hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
 4. Khi xảy ra các trường hợp ở khoản 3 Điều này, Hội đồng quản trị phải công bố thông tin và triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Nếu cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

không được triệu tập như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

Điều 22: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển công ty;
- b. Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán hàng năm;
- c. Quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- e. Tổng số tiền thù lao, tiền thưởng của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và báo cáo về tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc;
- f. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- g. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại được quyền chào bán;
- h. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- i. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- j. Quyết định các dự án đầu tư, giao dịch, hợp đồng của Công ty hoặc bất kỳ đơn vị phụ thuộc nào có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất;
- k. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết đối với các vấn đề được đưa vào chương trình họp.

Điều 23: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông và công tác chuẩn bị

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông như quy định tại Điều 22 ở trên. Nếu Hội đồng quản trị không triệu tập theo quy định thì thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông được thực hiện như quy định tại khoản 2 và 3 Điều này.

2. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội đồng cổ đông đúng quy định của Điều lệ này, Ban kiểm soát sẽ phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Nếu cuộc họp Đại hội đồng cổ đông không được triệu tập như quy

định thì Trường ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

3. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp đúng quy định tại điểm 2 nêu trên, cổ đông hoặc một nhóm cổ đông quy định tại Điều 16.2 của Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nói trên trong trường hợp này có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

5. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

a. Thông báo ngày chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp và chuẩn bị một danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và có quyền biểu quyết không sớm hơn 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Cổ đông không có tên trong danh sách vẫn được tham dự và biểu quyết tại cuộc họp nếu có bằng chứng cho thấy tư cách cổ đông của họ được xác lập trước ngày chốt danh sách. Thủ tục đăng ký cổ đông có quyền dự họp được duy trì đến trước ngày khai mạc cuộc họp 01 (một) ngày làm việc nhằm đảm bảo việc đăng ký đầy đủ tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông;

Trong trường hợp số lượng cổ đông có quyền dự họp quá đông và không có một địa điểm nào đáp ứng được tiêu chuẩn về không gian để tiến hành Đại hội, người triệu tập có thể bố trí nhiều hơn một địa điểm để tiến hành Đại hội nhưng phải xác định rõ đâu là địa điểm chính của Đại hội (nơi có mặt Chủ tọa) và phải đảm bảo các phương tiện truyền dẫn thông tin để những cổ đông dự họp ngoài địa điểm chính vẫn có thể tham gia thảo luận và biểu quyết như những cổ đông có mặt tại địa điểm chính. Trong trường hợp này, mọi cổ đông đều được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của Đại hội.

c. Thông báo cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp về việc họp Đại hội đồng cổ đông; thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm: thư mời họp, chương trình họp, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp, phiếu biểu quyết và mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất 10 (mười) ngày (tính từ ngày thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ) trước ngày khai mạc theo các cách thức sau:

- Đối với cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu của Công ty, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán
- Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu của Công ty, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc.

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty, 01 (một) tờ báo trung ương hoặc địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính cùng lúc với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 16.2 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 3 ngày trước ngày khai mạc Đại hội. Đề xuất phải bao gồm: họ và tên của cổ đông; số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông được quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 6 của Điều này, nếu:

- Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 6 tháng trở lên;
- Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;
- Vấn đề đề xuất là vi phạm pháp luật.

8. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 24: Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông (bao gồm cả các đại diện của cổ đông) dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết, trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, người triệu tập họp tuyên bố huỷ cuộc họp. Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.
2. Trong Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần hai cần có số cổ đông đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đại hội lần thứ hai không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba sẽ được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần thứ hai.
3. Cuộc họp Đại hội cổ đông lần ba được coi là họp lệ bất kể số lượng cổ đông tham dự là bao nhiêu.
4. Theo đề nghị, chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 5 điều 23 của điều lệ này.

Điều 25: Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông đến tham dự cuộc họp cần đăng ký với Ban tổ chức cuộc họp để được nhận phiếu biểu quyết. Thủ tục này phải được tiến hành và tiếp tục cho đến khi đảm bảo việc đăng ký đầy đủ tất cả các cổ đông đến dự họp.
2. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp:
 - Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, hoặc do Phó Chủ tịch chủ trì nếu Chủ tịch đi vắng, hoặc một người khác do Đại hội bầu ra nếu Chủ tịch và Phó chủ tịch đi vắng.Trường hợp Đại hội bầu Chủ tọa thì một thành viên Hội đồng quản trị có mặt tại cuộc họp sẽ đại diện tiến hành việc này; họ tên của người được bầu làm Chủ tọa và tỷ lệ phiếu bầu phải được công bố và ghi vào Biên bản cuộc họp.
 - Chủ tọa cử một người làm thư ký để ghi biên bản cuộc họp.
 - Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ban kiểm phiếu, số lượng không quá 03 người.
3. Đại hội đồng cổ đông thông qua chương trình và nội dung của cuộc họp. Trường hợp có sự kiện phát sinh ngoài chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Chủ tọa sẽ là người có quyền quyết định và quyết định này mang tính phán quyết cao nhất.

4. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình họp.

Cổ đông hoặc đại diện của cổ đông đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn có quyền tham gia thảo luận và tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký nhưng chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó vẫn không bị ảnh hưởng.

5. Chủ tọa có quyền tạm ngừng hoặc hoãn cuộc họp nếu thấy:

- Địa điểm họp không đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả cổ đông dự họp;
 - Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự;
 - Sự trì hoãn là cần thiết để Đại hội được tiến hành một cách công bằng và hợp lệ.
- Cuộc họp cũng có thể được tạm ngừng hoặc hoãn theo yêu cầu và nhất trí của đa số người dự họp.

Thời gian hoãn cuộc họp không được quá 03 (ba) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

6. Trường hợp Chủ tọa tạm ngừng hoặc hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 5 Điều này, Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu một người khác để thay thế Chủ tọa điều hành tiếp cuộc họp.

7. Ban tổ chức có quyền yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác, hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp.

Chủ tọa và thư ký có quyền và trách nhiệm áp dụng các biện pháp cần thiết (kể cả việc trục xuất người cố ý gây rối trật tự, không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa) để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông dự họp.

Điều 26: Thẻ thức tổ chức Đại hội cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị và gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ mà cổ đông đã đăng ký với Công ty phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến và các vấn đề cần lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, thời hạn này không được ít hơn 10 (mười) ngày kể từ ngày tiến hành gửi đi;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và con dấu của Công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý trong Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Biên bản này có thể đưa lên trang thông tin điện tử của Công ty thay cho việc gửi đến các cổ đông.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 27: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được tiến hành bằng cách giơ phiếu biểu quyết theo trình tự biểu quyết tán thành trước và phản đối sau, hoặc bỏ phiếu kín. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Ban kiểm phiếu thông báo ngay tại Đại hội.

Việc bầu các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức dồn phiếu. Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà mình sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; và cổ đông có quyền dồn toàn bộ tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Cổ đông hoặc đại diện cổ đông được ủy quyền bầu cử được cấp một phiếu bầu trong đó có ghi số phiếu biểu quyết bằng tích số nói trên.

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 và 6 Điều này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp được thông qua khi có đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp chấp thuận.

4. Những vấn đề sau phải được thông qua bởi đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp chấp thuận:

a. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại được quyền chào bán;

b. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ;

c. Quyết định các dự án đầu tư, giao dịch, hợp đồng của Công ty hoặc bất kỳ đơn vị phụ thuộc nào có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất;

d. Thông qua các giao dịch, hợp đồng được quy định tại Điều 44 Điều lệ này;

e. Sát nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty.

5. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì các tỷ lệ thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông như quy định tại khoản 4 được tính dựa trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Quyết định được thông qua bằng hình thức gửi văn bản có giá trị tương đương các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện như đúng quy định.

Điều 28: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải tuân thủ đúng Điều 146 của Luật Doanh nghiệp với đầy đủ nội dung sau:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số, ngày và nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông đã tham dự cuộc họp;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến, và tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các quyết định đã được thông qua;

i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

2. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, danh sách cổ đông dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu khác của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi gửi biên bản.

Điều 29: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp, ra quyết định không đúng theo Điều lệ Công ty;
2. Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Mục 2: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 30: Thành phần và nhiệm kỳ

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn bộ quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan tới mục đích, quyền lợi của Công ty và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là 07 (bảy). Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị xác định theo số phiếu bầu, tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu cao nhất, cho đến khi đủ số thành viên Hội đồng quản trị cần bầu.

3. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế

Khi Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ, nếu chưa tổ chức được cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thì Hội đồng quản trị tiếp tục hoạt động cho đến khi Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị mới.

Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị đương nhiệm.

Trường hợp cổ đông là pháp nhân có đại diện tham gia Hội đồng quản trị mà muốn thay đổi hoặc miễn nhiệm người này thì cổ đông phải gửi đề nghị bằng văn bản cho Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị trình vấn đề này trong phiên họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

4. Cổ đông có quyền đề cử ứng cử viên để Đại hội đồng cổ đông bầu vào Hội đồng quản trị theo những quy định dưới đây:

- a. Mỗi cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong ít nhất liên tục 06 (sáu) tháng được quyền đề cử người khác hoặc tự đề cử mình để bầu vào Hội đồng quản trị. Những cổ đông sở hữu ít hơn 10% vốn điều lệ có quyền gộp số phiếu biểu quyết đủ 10% đề cử thành viên Hội đồng quản trị.
- b. Cổ đông sở hữu hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử 01 (một) người; sở hữu từ 20% đến dưới 30% được quyền đề cử 02 (hai) người; sở hữu từ 30% đến dưới 40% được quyền đề cử 03 (ba) người; sở hữu từ 40% trở lên được đề cử đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị dự định bầu.

Trường hợp số lượng ứng cử viên không đủ để bầu thì Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định để đạt được số ứng cử viên cần thiết. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc các đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp;
- b. Là người phải có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty, có những phẩm chất của nhà kinh doanh và các tiêu chuẩn, điều kiện khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
- c. Thường xuyên có mặt tại Việt Nam;
- d. Được Đại hội đồng cổ đông tín nhiệm.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức danh quản lý khác trong Công ty, trừ việc kiêm nhiệm thành viên Ban kiểm soát,.

7. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

- a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo qui định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Thành viên đó bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự;
- c. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị;

d. Thành viên đó vi phạm nghĩa vụ của người quản lý gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty;

e. Thành viên đó xin từ chức bằng văn bản;

f. Thành viên đó bị cách chức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Khi xảy ra các trường hợp trên, Hội đồng quản trị phải báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất để Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị giảm quá 1/3 thì Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường như quy định tại Điều 23 Điều lệ này.

Điều 31: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a. Quyết định chiến lược và kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trên cơ sở mục tiêu và chiến lược kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

c. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

d. Kiến nghị việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền khác cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

e. Tổ chức việc phát hành trái phiếu, cổ phiếu theo đúng kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép (nếu có);

f. Quyết định giá bán cổ phần mới, trái phiếu và các loại chứng khoán khác;

g. Tổ chức việc mua lại cổ phần của Công ty;

h. Quyết định giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

i. Kiến nghị mức cổ tức được trả và tổ chức chi trả cổ tức;

j. Kiến nghị việc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;

l. Đề nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;

m. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và hình thức kỷ luật đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;

n. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty là trưởng, phó phòng và tương đương theo đề nghị của Tổng Giám đốc;

o. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và những người quản lý khác trong công việc điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

- p. Quyết định mức lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác trong phạm vi kinh phí thù lao cho các chức danh quản lý đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- q. Quyết định cơ chế tiền lương, phụ cấp, thưởng phạt và chế độ phúc lợi trong Công ty trên cơ sở pháp luật;
- r. Quyết định các dự án đầu tư, giao dịch, hợp đồng của Công ty hoặc bất kỳ đơn vị phụ thuộc nào có giá trị từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo Tài chính gần nhất của Công ty;
- s. Đề nghị lựa chọn công ty kiểm toán;
- t. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc tuyên bố phá sản Công ty;
- u. Giải quyết các tranh chấp liên quan đến các cán bộ quản lý trong công ty;
- v. Phê chuẩn các vấn đề sau:
- Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của Công ty;
 - Chỉ định và bãi nhiệm người đại diện của Công ty tại các doanh nghiệp khác có vốn góp của Công ty;
 - Vay nợ và thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - Đầu tư, mua và bán cổ phần, phần vốn góp trong các doanh nghiệp trong và ngoài nước;
 - Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh năm;
 - Định giá tài sản góp vốn vào Công ty không phải là tiền, vàng hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi;
 - Các hợp đồng, giao dịch được ký kết với Công ty phải có sự phê chuẩn của Hội đồng quản trị;
 - Các vấn đề quản lý, kinh doanh khác mà Điều lệ quy định phải có sự phê chuẩn của Hội đồng quản trị.
- w. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, nhất là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính và việc đánh giá báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, nếu báo cáo tài chính chưa được Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá bằng văn bản thì bị coi là không có giá trị.

3. Trừ khi Điều lệ này hoặc pháp luật có quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
4. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị phải tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Nếu Hội đồng quản trị thông qua quyết định vi phạm điều này gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và đền bù thiệt hại cho Công ty; các thành viên phản đối quyết định đó được miễn trừ trách nhiệm. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông như quy định tại Điều 16.2 của Điều lệ có quyền yêu cầu đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, những người quản lý trong Công ty cung cấp các thông tin, cung cấp bản sao tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị trong Công ty.

Điều 32: Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên của Hội đồng để bầu ra một Chủ tịch và một Phó chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc, nhưng phải được phê chuẩn hàng năm tại đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Thay mặt Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo kiểm toán của kiểm toán viên, báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị trước Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Các trường hợp quy định tại Điều 30 khoản 7 Điều lệ này.
 - b. Khi có trên 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết miễn nhiệm.
4. Phó chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thay thế Chủ tịch thực hiện các công việc như quy định tại Khoản 2 Điều này khi Chủ tịch vắng mặt hoặc từ chức hoặc bị bãi miễn,

trừ khi Chủ tịch có văn bản ủy quyền cho một thành viên khác trong Hội đồng. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì Hội đồng quản trị phải bầu một trong các thành viên còn lại để đảm đương công việc trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn thì Hội đồng quản trị báo cáo với Đại hội đồng cổ đông trong thời gian gần nhất để Đại hội đồng cổ đông quyết định.

5. Chức trách, nhiệm vụ cụ thể của các thành viên Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị phân công và quy định.

6. Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao và tiền thưởng theo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

Tổng số tiền trả thù lao, tiền thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị và số tiền mà mỗi thành viên được nhận được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

8. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả chi phí đi lại, ăn ở và các chi phí hợp lý khác mà họ đã phải trả khi thực hiện chức trách thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 33: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở Công ty hoặc nơi khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập và quyết định.

2. Cuộc họp Hội đồng quản trị:

a. Cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới sẽ do thành viên trúng cử có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Nếu có nhiều hơn 1 thành viên

có số phiếu bầu cao nhất thì một trong số những người này sẽ triệu tập và chủ trì cuộc họp. Cuộc họp này sẽ phải bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị.

b. Các cuộc họp tiếp theo sau sẽ do Chủ tịch hội đồng quản trị triệu tập khi thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất 01 (một) lần.

c. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị khi:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị thấy cần thiết;
- Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;
- Có đề nghị của Trưởng ban kiểm soát;
- Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) cán bộ quản lý trong Công ty;
- Có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập.

Nếu sau 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày gửi đề nghị, Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp mà không có lý do chính đáng thì những người đề xuất cuộc họp nói trên có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty.

3. Thông báo về chương trình họp:

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người đề nghị triệu tập cuộc họp Hội đồng thành viên phải lập chương trình và gửi thư mời họp cho các thành viên Hội đồng quản trị bằng phương pháp đảm bảo đến được địa chỉ mà họ đã đăng ký với Công ty (bằng bưu điện, fax, email, ...) đồng thời thông báo với Ban kiểm soát và Tổng giám đốc ít nhất 03(ba) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến.

Thư mời họp Hội đồng quản trị phải làm thành văn bản tiếng Việt có nói rõ chương trình, thời gian, địa điểm họp và phải kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được thảo luận tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

4. Cuộc họp Hội đồng quản trị chỉ có thể tiến hành khi có ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.

Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết bằng cách gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản theo cách thức quy định tại Điều 153 Luật doanh nghiệp.

Thành viên Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc (nếu Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị) có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

5. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này.

Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là cùng có mặt tại một địa điểm. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

6. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể lấy phê chuẩn của Hội đồng quản trị mà không cần triệu tập cuộc họp bằng cách gửi văn bản thông báo và nội dung nghị sự cần phê chuẩn đến địa chỉ tất cả các thành viên Hội đồng quản trị. Khi hết thời hạn ghi trong thông báo (thời hạn này không ít hơn 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), thành viên phải thông báo ý kiến của mình cho Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nếu quá thời hạn nêu trên mà thành viên vẫn không thông báo ý kiến của mình cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thì coi như thành viên đó đã chấp nhận nội dung cần phê chuẩn.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền hợp lệ phải tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị và thay mặt Hội đồng quản trị ký quyết định thông báo các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền phải báo cáo kết quả lấy ý kiến đến tất cả thành viên Hội đồng quản trị và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34: Nguyên tắc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị và Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị hoạt động theo nguyên tắc bàn bạc tập thể và biểu quyết theo đa số; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan của thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên

Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

3. Nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được lập thành văn bản và có chữ ký của các thành viên đã tham gia biểu quyết. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

Nghị quyết sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc họp, kể cả các quyết định được thông qua bằng cuộc họp qua điện thoại như quy định tại Điều 33.5 nhưng sau đó phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

4. Nếu có ý kiến cho rằng nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp lệ nhưng không phản ánh đúng các khách quan của cuộc họp, thành viên hội đồng quản trị có quyền đề nghị Chủ tịch xem xét và quyết định.

5. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi vào Sổ biên bản và phải được thông qua ngay tại cuộc họp và được các thành viên có mặt ký vào, thành viên không nhất trí với quyết định của cuộc họp có quyền ghi ý kiến bảo lưu trong Biên bản. Trường hợp lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng hình thức gửi văn bản như quy định tại Điều 33.6 của Điều lệ, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền hợp lệ sẽ ký tên vào Biên bản báo cáo kết quả lấy ý kiến; biên bản này phải đảm bảo thể hiện đầy đủ, chính xác và trung thực các ý kiến của từng thành viên.

Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và được lưu giữ tại trụ sở Công ty.

Điều 35: Thường trực Hội đồng quản trị

1. Thường trực Hội đồng quản trị là cơ quan đại diện thường xuyên của Hội đồng quản trị tại Công ty, có quyền thay mặt Hội đồng quản trị quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị phát sinh giữa các lần họp của Hội đồng quản trị.

2. Thường trực Hội đồng quản trị gồm Chủ tịch, Phó chủ tịch.

3. Thường trực Hội đồng quản trị hoạt động theo nguyên tắc đồng thuận (100%). Trong trường hợp có sự mâu thuẫn ý kiến và cần phải xin ý kiến của Hội đồng quản trị, một cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được triệu tập.

4. Nếu được thông qua hợp lệ và nội dung không vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty thì quyết định của Thường trực Hội đồng quản trị có giá trị như quyết định được

thông qua bởi Hội đồng quản trị bằng một cuộc họp. Mọi quyết định của Thường trực Hội đồng quản trị phải được báo cáo với Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất.

5. Trường hợp quyết định của Thường trực Hội đồng quản trị không phù hợp với Điều lệ và lợi ích của Công ty, những chủ thể được quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 33 có quyền yêu cầu triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường đồng thời báo cho Ban kiểm soát biết. Hội đồng có thể đình chỉ việc thực hiện các quyết định của Thường trực Hội đồng quản trị bằng một nghị quyết hợp lệ của Hội đồng quản trị.

Mục 3: TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 36: Tổ chức bộ máy quản lý điều hành

Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức một bộ máy điều hành bao gồm một Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, một Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác.

Điều 37: Tổng giám đốc Công ty

1. Tổng giám đốc là người có quyền điều hành cao nhất hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm.
3. Tổng Giám đốc phải có đủ các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có đủ năng lực hành vi, có trình độ đại học trở lên với chuyên ngành phù hợp với ngành nghề kinh doanh chính của Công ty.
 - b. Không thuộc các đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - c. Không được là thành viên hoặc người liên quan của thành viên Ban kiểm soát;
 - d. Không được là Kế toán trưởng hoặc người liên quan với Kế toán trưởng;
4. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc có quyền từ chối thực hiện các quyết định của Hội

đồng quản trị đồng thời thông báo ngay cho Ban kiểm soát nếu các quyết định này trái Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các quy định của pháp luật;

- c. Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- d. Quyết định trên cơ sở tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, kể cả các cán bộ quản lý thuộc quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
- e. Bảo toàn, phát triển vốn theo phương án kinh doanh đã được Hội đồng quản trị phê duyệt;
- f. Thực thi kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- h. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 năm;
- i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các Quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và các văn bản pháp luật khác.

5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Định kỳ 03 (ba) tháng một lần, Tổng Giám đốc báo cáo mọi hoạt động của Công ty với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát bằng văn bản, đề xuất những vấn đề cần phải giải quyết để Hội đồng quản trị bàn bạc quyết định.

6. Tổng giám đốc có quyền yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập Hội đồng quản trị họp bất thường để giải quyết công việc khẩn cấp của Công ty. Khi yêu cầu triệu tập cuộc họp bất thường trên đây, Tổng giám đốc phải thông báo nội dung, chương trình nghị sự dự kiến cần giải quyết tại cuộc họp.

7. Trường hợp Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có thể được mời tham dự một số phiên họp Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết.

8. Tổng giám đốc được hưởng lương và xét thưởng theo mức cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

9. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ, quyết định của Hội đồng quản trị và hợp đồng

lao động ký với công ty. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

10. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, cách chức hoặc chịu hình thức kỷ luật trong trường hợp không hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh do Hội đồng quản trị đề ra, hoặc do vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc tài chính, kế toán của Công ty, pháp luật hiện hành của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

Quyết định bãi miễn Tổng giám đốc được thông qua khi có từ 2/3 thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (không tính biểu quyết của Tổng giám đốc nếu Tổng giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị) và có một người khác để thay thế. Tổng giám đốc bị bãi miễn có quyền phản đối việc bãi miễn này tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Điều 38: Cán bộ quản lý khác

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, trợ cấp và các lợi ích khác của những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 39: Thư ký Công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định một thư ký Công ty để thực hiện các vai trò và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Làm đầu mối giúp việc, liên lạc, tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Trưởng ban kiểm soát;
 - b. Làm biên bản các cuộc họp;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Cung cấp thông tin cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - e. Lưu trữ các văn bản, tài liệu của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - f. Thực hiện các công tác văn thư, lưu trữ khác trong Công ty.

Điều 40: Nghĩa vụ của người quản lý Công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau đây:

a. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông một cách trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích Công ty và cổ đông của Công ty;

b. Trung thành với lợi ích của cổ đông và của Công ty; không được lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty, sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà mình hoặc người liên quan làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này phải được niêm yết tại trụ sở Công ty;

d. Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, thì:

- Thông báo và kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính với Đại hội đồng cổ đông;

- Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho những người quản lý trong Công ty;

- Không được mua lại cổ phần của Công ty hoặc hoàn trả vốn mua cổ phần cho các cổ đông của Công ty.

e. Các nghĩa vụ khác do pháp luật và Điều lệ này qui định.

2. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc cổ đông thì người có hành vi vi phạm phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

3. Mọi thu nhập và lợi ích có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này đều thuộc sở hữu của Công ty

Mục 4: BAN KIỂM SOÁT

Điều 41: Thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03(ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhưng không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành

viên/ nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát xác định theo số phiếu bầu, tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu cao nhất, cho đến khi đủ số thành viên Ban kiểm soát theo qui định tại Điều lệ Công ty là 03 (ba) người. Ban kiểm soát phải bầu một thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban Kiểm soát phải có trình độ đại học chính quy Kế toán – Tài chính và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 5 (năm) năm; nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại tại Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ tiếp theo. Khi Ban kiểm soát hết nhiệm kỳ, nếu chưa tổ chức được cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thì Ban kiểm soát tiếp tục hoạt động cho đến khi Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm soát mới.

2. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu 02 (hai) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai phần ba số thành viên Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát hoạt động theo nguyên tắc thảo luận tập thể và biểu quyết theo đa số, trường hợp có số phiếu biểu quyết ngang nhau thì Trưởng ban sẽ đưa ra quyết định cuối cùng.

3. Quyền đề cử thành viên Ban kiểm soát:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 06 (sáu) tháng liên tiếp trở lên có quyền đề cử người khác hoặc tự đề cử mình vào danh sách để Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm soát. Những cổ đông sở hữu ít hơn 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số phiếu biểu quyết đủ 10% để đề cử thành viên Ban kiểm soát.

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử 01 (một) người; sở hữu từ 20% đến dưới 30% được quyền đề cử 02 (hai) người; sở hữu từ 30% trở lên được đề cử 03 (ba) người;

c. Ban kiểm soát có quyền và trách nhiệm đề cử tối đa 70% số thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ trước để bầu vào Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới nhằm bảo đảm tính phát triển và kế thừa trong công tác giám sát hoạt động Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo qui định của Luật Doanh nghiệp;

b. Không được là người liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người quản lý khác trong Công ty;

c. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

5. Thành viên Ban kiểm soát không được kiêm giữ bất cứ chức vụ quản lý nào khác trong Công ty.

6. Thành viên Ban kiểm soát sẽ mất tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

- a. Không đáp ứng được yêu cầu qui định tại khoản 4 Điều này;
- b. Không thực hiện chức năng, nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- d. Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý;
- e. Xin từ chức bằng văn bản và được Đại hội đồng cổ đông gần nhất chấp thuận;
- f. Bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc cách chức.

Khi phát hiện thành viên Ban kiểm soát rơi vào những trường hợp trên, Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị hoặc cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Điều 16.2 Điều lệ này có quyền kiến nghị với Đại hội đồng cổ đông để Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định. Trước khi kiến nghị với Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Điều 16.2 phải thông báo ngay cho Ban kiểm soát để yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

7. Thành viên Ban kiểm soát được hưởng mức thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức thù lao và Ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, ăn, ở và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 42: Thẩm quyền của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm sau:

- a. Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy quản lý điều hành của Công ty trong quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
 - c. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị; trình báo cáo thẩm định kết quả thẩm định các báo cáo trên lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
 - d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
 - e. Xem xét báo cáo về các hệ thống kiểm soát nội bộ Công ty trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - f. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của bộ máy quản lý;
 - g. Đọc, trích lục, sao chụp sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, hoặc theo yêu cầu của cổ đông, hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 16.2 Điều lệ này;
 - h. Kiểm tra việc tuân thủ Điều lệ, nội quy Công ty, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông của bộ máy quản lý và cổ đông của Công ty;
 - i. Tham mưu cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc tổ chức quản lý, điều hành trong Công ty, tổ chức, hoạt động của các tổ chức đoàn thể và nhân viên trong Công ty;
 - j. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
 - k. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - l. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 - m. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và của Đại hội đồng cổ đông.
2. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 16.2 Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát qui định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Điều 40 Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

4. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

5. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

6. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

7. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

8. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

9. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập họp và chuẩn bị, tổ chức việc chuẩn bị họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách Trưởng Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để thực thi chức trách của Ban kiểm soát;

c. Lập và ký các báo cáo của Ban kiểm soát sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

d. Tự mình tham gia hoặc cử thành viên Ban kiểm soát tham gia các phiên họp Hội đồng quản trị. Trong các phiên họp này được thảo luận, chất vấn nhưng không được quyền biểu quyết.

CHƯƠNG IV: CHẾ ĐỘ THÔNG TIN VÀ QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH, HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43: Công khai lợi ích

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích có liên quan đến họ với Công ty, cụ thể:
 - a. Tên, địa chỉ, trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số, ngày và nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp hoặc bất kỳ tổ chức kinh tế nào mà họ sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu số vốn đó;
 - b. Tên, địa chỉ, trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số, ngày và nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp hoặc bất kỳ tổ chức kinh tế nào mà những người có liên quan của họ sở hữu từ 10% vốn điều lệ của tổ chức đó.
3. Việc kê khai qui định tại Khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
4. Việc kê khai qui định tại khoản 1, khoản 2 Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên gần nhất và được niêm yết lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được

sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 44: Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
 - a. Cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 30% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, cán bộ quản lý các đơn vị hạch toán phụ thuộc, đơn vị hạch toán độc lập của Công ty và những người liên quan của họ;
 - c. Công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty.
2. Các hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này có giá trị từ 35% tổng tài sản ghi trong sổ kế toán của Công ty phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông (bao gồm cổ đông biểu quyết thông qua người đại diện) có lợi ích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp với hợp đồng sẽ không được tham gia biểu quyết.
3. Các hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 1 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng tài sản ghi trong sổ kế toán của Công ty phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp với hợp đồng sẽ không được tham gia biểu quyết.
4. Trừ trường hợp được quy định tại Khoản 5 Điều này, các hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này bị vô hiệu và được xử lý theo qui định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 của Điều này. Người đại diện theo pháp luật của Công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
5. Các hợp đồng, giao dịch được quy định tại Khoản 1 ở trên sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ lợi ích, hay vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về vấn đề đó, nếu:

a. Những yếu tố quan trọng về hợp đồng, giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Điều 45: Báo cáo thường niên

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải lập báo cáo tài chính năm, báo cáo tình hình kinh doanh và báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành của Công ty. Các báo cáo này phải được lập một cách hợp lệ và phải được thẩm định bởi Ban kiểm soát trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Báo cáo tài chính của Công ty phải được kiểm toán bởi một cơ quan kiểm toán được hoạt động hợp pháp ở Việt Nam.

4. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty phải được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông và được nộp cho các Cơ quan Thuế, Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính.

5. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.

6. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được công bố thông tin theo quy định

Các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website Của Công ty.

7. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 46: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại Điều 16.2 và cổ đông sở hữu cổ phần Công ty liên tục trong 01 (một) năm có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp Hội đồng quản trị và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý có quyền kiểm tra Sổ đăng ký cổ đông, danh sách cổ đông và những sổ sách, hồ sơ khác của Công ty vì mục đích liên quan tới chức trách của mình.

3. Điều lệ Công ty và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, các quy chế quản lý, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các hợp đồng kinh tế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc một nơi khác và phải được thông báo về điều này cho các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh.

4. Điều lệ của công ty phải được công bố trên website của Công ty. Cổ đông có quyền được Công ty cấp 01 (một) bản Điều lệ Công ty miễn phí.

Điều 47: Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

1. Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm đối với những thiệt hại của Công ty do không thực hiện nghĩa vụ công khai thông tin.

CHƯƠNG V: QUY ĐỊNH VỀ BẢO MẬT THÔNG TIN

Điều 48: Thông tin mật

Thông tin mật của Công ty là những thông tin về vụ, việc, tài liệu, vật, địa điểm, thời gian, có tính chất quan trọng, liên quan đến chiến lược, kế hoạch phát triển kinh doanh của Công ty mà không được công bố rộng rãi ra công chúng. Những thông tin này có thể được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau: tài liệu, giấy tờ, hồ sơ, dữ liệu điện tử, lời nói, ..., bao gồm:

1. Các bí mật thương mại hoặc thông tin mật, công nghệ, bí quyết, kỹ thuật, kiểu dáng thiết kế, phương pháp và các thông tin khác được cho là quan trọng theo sự xác định của Hội đồng quản trị vào từng thời điểm;
2. Chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh của Công ty;
3. Thông tin về đơn hàng, bạn hàng chiến lược của Công ty;
4. Thông tin về những rủi ro đáng kể ảnh hưởng đến hoạt động mà Công ty có thể dự báo trước, như rủi ro về tài chính, tín dụng hoặc rủi ro về ngoại hối đối với hoạt động kinh doanh của Công ty; rủi ro liên quan đến hoạt động chứng khoán; rủi ro liên quan đến các trách nhiệm và môi trường...

Điều 49: Chế độ bảo mật thông tin

Nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Hội đồng quản trị, không một ai trong số các thành viên Hội đồng quản trị, các cán bộ quản lý, thành viên Ban kiểm soát, các cổ đông, nhân viên hoặc bất kỳ người nào khác có liên quan được phép tiết lộ thông tin mật của Công ty, trừ các trường hợp sau:

1. Với các Công ty con của Công ty;

2. Với các cổ đông ở mức độ được phép theo Điều lệ này hoặc theo quy định khác của Đại hội đồng cổ đông;
3. Với các cấp quản lý và nhân viên của Công ty hoặc với các kiểm toán viên của Công ty hoặc với các cố vấn chuyên môn trong phạm vi mà họ cần phải biết để thực thi các nghĩa vụ của mình khi các nghĩa vụ này có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty;
4. Với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi được yêu cầu đúng pháp luật;
5. Những thông tin bắt buộc phải công khai khi Công ty tham gia thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VI: TÀI CHÍNH – LỢI NHUẬN

Điều 50: Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 mỗi năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 51: Phân phối lợi nhuận

1. Lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông phải trích lập các Quỹ.

a. Quỹ dự trữ bắt buộc: ít nhất 5% lợi nhuận sau thuế cho đến mức bằng 10% Vốn điều lệ.

b. Các quỹ khác do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông:

- Quỹ khen thưởng: 5%

- Quỹ phúc lợi: 2%

Ngoài các quỹ trên căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, hàng năm sẽ trích một phần lợi nhuận bổ sung vào vốn, mức trích do Đại hội đồng cổ đông quy định.

c. Trích quỹ khen thưởng Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát 5% lợi nhuận sau thuế.

2. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 52: Trả cổ tức

1. Cổ tức được xác định dựa trên số lợi nhuận ròng của năm tài chính đó sau khi đã trích lập các quỹ, bù đắp các khoản lỗ của các năm trước hoặc lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế, các nghĩa vụ tài chính khác và ngay sau khi thực hiện việc chi trả cổ tức, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

2. Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định mức cổ tức của từng loại cổ phần trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty nhưng tỷ lệ chi trả cổ tức không được vượt quá định mức mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán cổ tức bằng tiền (VNĐ) hoặc bằng những tài sản cụ thể (cổ phiếu, trái phiếu của Công ty hoặc các tài sản hợp pháp khác).

5. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả cho từng cổ đông, từng loại cổ phần, thời hạn và cách thức trả trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày trước ngày trả cổ tức. Thông báo về việc trả cổ tức theo nội dung trên đây phải được gửi bảo đảm đến địa chỉ đăng ký của tất cả cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày thực hiện việc trả cổ tức.

Trường hợp phương thức chi trả cổ tức được lựa chọn không phải là chi trả trực tiếp cho cổ đông, Công ty phải thực hiện việc thanh toán bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ/tài khoản mà cổ đông đã đăng ký với công ty. Công ty không chịu trách nhiệm về những rủi ro xảy ra cho việc cổ đông có thực sự thụ hưởng được cổ tức hay không.

Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán được thông qua Trung tâm lưu ký.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều

này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

7. Cổ đông sở hữu cổ phần loại nào sẽ được hưởng cổ tức của loại đó. Số tiền cổ tức mỗi cổ đông được nhận tính theo năm tài chính bằng mức cổ tức do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhân với số cổ phần cổ đông đó sở hữu.

Điều 53: Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 54: Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG VII: CON DẤU

Điều 55: Sử dụng con dấu

1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và Trưởng Ban kiểm soát sử dụng và quản lý con dấu Công ty theo qui định của pháp luật.

3. Con dấu phải giao cho một nhân viên giữ và bảo quản an toàn tại trụ sở công ty theo quy chế quản lý phù hợp với qui định của Bộ Công an. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng con dấu đúng qui định.
4. Con dấu chỉ được dùng để đóng vào:
 - a. Các văn bản do người đại diện theo pháp luật Công ty (Tổng giám đốc) hoặc người ủy quyền hợp pháp của người này ký;
 - b. Các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định, văn bản của Hội đồng quản trị do Chủ tịch hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền ký;
 - c. Các văn bản của Ban kiểm soát do Trưởng ban kiểm soát ký.

CHƯƠNG VIII: TỔ CHỨC LẠI VÀ CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG

Điều 56: Tổ chức lại Công ty

1. Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định chia Công ty thành một số công ty theo một phương án phân chia tài sản, sử dụng tên và trụ sở chính, sử dụng lao động, thời hạn và phương thức chuyển đổi cổ phần, nguyên tắc giải quyết về quyền và nghĩa vụ khi chia. Quyết định chia Công ty phải gửi đến các chủ nợ và thông báo cho người lao động trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thông qua quyết định.
2. Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định tách công ty bằng cách chuyển một phần tài sản cùng một phần quyền, nghĩa vụ của Công ty để thành lập một hoặc một số công ty mới. Quyết định tách Công ty phải gửi đến các chủ nợ và thông báo cho người lao động trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thông qua quyết định.
3. Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định hợp nhất Công ty với một hoặc một số công ty khác thành công ty mới, nếu các bên đạt được sự thỏa thuận bằng một hợp đồng với một phương án hợp nhất phù hợp.
4. Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định sáp nhập Công ty vào một công ty khác hoặc nhận một hoặc một số công ty khác sáp nhập vào Công ty, nếu hai bên đạt được sự thỏa thuận bằng một hợp đồng với một phương án sáp nhập phù hợp.
5. Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định chuyển đổi hình thức pháp lý của Công ty sang hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn (một thành viên hoặc hai thành viên trở lên). Quyết định chuyển đổi phải được gửi đến các chủ nợ và thông báo cho người lao động trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thông qua quyết định.

6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức thực hiện các quyết định tổ chức lại công ty theo đúng phương thức mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua và theo đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định.

Điều 57: Chấm dứt hoạt động Công ty

1. Công ty có thể chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:
 - a. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
 - b. Bị tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành.
 - c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Giải thể Công ty phải thực hiện theo trình tự:
 - a. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định giải thể;
 - b. Hội đồng quản trị tổ chức việc giải thể và thanh lý tài sản của Công ty.

Thông báo giải thể Công ty phải được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh, các chủ nợ, những người có quyền và nghĩa vụ có liên quan, người lao động trong Công ty và niêm yết tại trụ sở chính cùng đơn vị phụ thuộc của Công ty trong hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày thông qua quyết định giải thể.

Thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính theo thứ tự được pháp luật quy định.

c. Gửi hồ sơ giải thể Công ty đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày thanh toán xong các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính.

3. Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới Toà án để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

- a. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động;
- b. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 58: Thanh lý

1. Khi Công ty chấm dứt hoạt động theo hình thức giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên. Hai thành viên do Đại hội

đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG IX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 59: Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại liên quan đến hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông, giữa cổ đông với Công ty hoặc giữa cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát thì các bên liên quan cố gắng giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải.
2. Nếu tranh chấp không liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp, nếu tranh chấp liên quan đến Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị thì có thể lựa chọn một chuyên gia độc lập làm trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
3. Nếu việc thương lượng và hòa giải không thành thì trong vòng 06 (sáu) tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc quyết định hòa giải không được các bên chấp nhận thì có thể đưa tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài trong nước.
4. Căn cứ kết quả giải quyết tranh chấp, bên khiếu nại sai hoặc có lỗi phải chịu toàn bộ phí tổn phát sinh cho việc giải quyết tranh chấp và bồi thường thiệt hại thực tế do lỗi của mình gây ra.

CHƯƠNG X: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 60: Công nhân viên và công đoàn

Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XI: HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 61: Áp dụng Pháp luật liên quan và Hiệu lực

1. Điều lệ này, một khi đã được thông qua, sẽ có giá trị áp dụng cho việc tổ chức quản lý và điều hành tất cả các hoạt động có liên quan đến Công ty, trừ khi các quy định trong điều lệ này vi phạm các điều cấm hoặc các nguyên tắc cơ bản của Pháp luật Việt Nam.
2. Những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản điều lệ này hoặc những quy định pháp luật mới ban hành khác với những điều khoản trong điều lệ này đương nhiên có hiệu lực phải được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.
3. Bản điều lệ này gồm 11 (mười một) chương 62 (sáu mươi hai) điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Tây nhất trí thông qua ngày 28 tháng 3 năm 2017 tại Thành phố Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Điều 62. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty:

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lê Văn Lớ

CHƯƠNG XI: CÔNG NHẬN VIỆN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 60: Công nhận viện và công đoàn
Một gian độc lập lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, các thời việc, lương bổng, các khoản chi phí lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với các nhân viên và người lao động của Công ty. Hội đồng quản trị và các bộ phận khác của Công ty cũng phải tuân thủ các quy định, thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật của nước Nam.

CHƯƠNG XII: TIÊU LỆC THỊ HÀNH

Điều 61: Áp dụng Pháp luật liên quan và Hiệu lực

1. Điều lệ này, một khi đã được thông qua sẽ có hiệu lực áp dụng cho tất cả các nhân viên và chủ nhân của Công ty. Mọi chi tiết về nội dung của Điều lệ này, xin liên hệ với Văn phòng Công ty để được hướng dẫn chi tiết hoặc các nguyên tắc cơ bản của Pháp luật Việt Nam.

2. Những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty cũng được áp dụng trong phạm vi này. Mọi quy định khác của pháp luật mà pháp luật đặc biệt không điều khoản trong Điều lệ này đương nhiên có hiệu lực pháp luật áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

3. Bản điều lệ này gồm 11 (mười một) chương, 62 (sáu mươi hai) điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Nội nhất trí thông qua ngày 28 tháng 7 năm 2017 tại Thành phố Hà Nội và công nhận hiện lực toàn văn của Điều lệ này.

4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
5. Các bản sao hoặc trích in Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Văn phòng Công ty và được ghi rõ số lượng bản sao được cấp phát cho các bộ phận.

61

Điều 62: Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty:

CHỖ CHỮ KÝ VÀ DẤU CHỮ KÝ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lê Văn Tuấn

DANH SÁCH

Các chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Tây

TT	Tên chi nhánh, địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Tây tại Nghệ An Địa chỉ: Số 18, đường Trần Nhật Duật, phường Đội Cung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
2	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Tây Địa chỉ: Tầng 4, Số 10A Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
3	Chi nhánh Dược phẩm Phú Xuyên - Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Tây Địa chỉ: Tiểu khu Mỹ Lâm, thị trấn Phú Xuyên, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
4	Chi nhánh Dược phẩm Ứng Hoà - Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Tây Địa chỉ: Thôn Hoàng Xá, thị trấn Vân Đình, huyện ứng Hoà, thành phố Hà Nội
5	Chi nhánh Dược phẩm Mỹ Đức - Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Tây Địa chỉ: Thôn Tế Tiêu, thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
6	Chi nhánh Dược phẩm Thanh Oai - Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Tây Địa chỉ: Thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
7	Chi nhánh Dược phẩm Thường Tín - Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Tây Địa chỉ: Số 251 phố Ga, thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
8	Chi nhánh Dược phẩm Quốc Oai - Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Tây Địa chỉ: Thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
9	Chi nhánh Dược phẩm Thạch Thất - Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Tây Địa chỉ: Đường 84, xã Kim Quan, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
10	Chi nhánh Dược phẩm Sơn Tây - Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Tây Địa chỉ: Số 3 phố Nguyễn Thái Học, phường Quang Trung, thị xã Sơn Tây, TP. Hà Nội

11	Chi nhánh Đông dược Vật tư y tế - Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Tây Địa chỉ: Số 78 Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
12	Chi nhánh Dược phẩm Ba Vì - Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Tây Địa chỉ: Thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
13	Chi nhánh Dược phẩm Số I - Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Tây Địa chỉ: Số 10 A Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
14	Chi nhánh Dược phẩm Chương Mỹ - Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Tây Địa chỉ: Thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
15	Chi nhánh Dược phẩm Hoài Đức - Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Tây Địa chỉ: Thị trấn Tràm Trôi, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
16	Chi nhánh Dược phẩm Đan Phượng - Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Tây Địa chỉ: Số 186, phố Tây Sơn, thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
17	Chi nhánh Dược phẩm Phúc Thọ - Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Tây Địa chỉ: Thị trấn Phúc Thọ, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
18	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Tây tại Thái Bình Địa chỉ: Lô8/18 khu phố 2, tổ 28, Phường Trần Hưng Đạo, TP Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

Phu lục số 2

DANH SÁCH

CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú...	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND...
1	VỐN NHÀ NƯỚC (ĐẠI DIỆN: LÊ VĂN LỚ)		Cổ phần phổ thông	211.486	2.114.860.000	3,37	
			Tổng số	211.486	2.114.860.000	3,37	
2	NGÔ VĂN CHINH	Tổ dân phố 3, phường La Khê, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Cổ phần phổ thông	203.378	2.033.780.000	3,23	120897172
			Tổng số	203.378	2.033.780.000	3,23	
3	NGUYỄN VĂN MINH	Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Cổ phần phổ thông	113.320	1.133.200.000	1,8	110022543
			Tổng số	113.320	1.133.200.000	1,8	
4	LÊ VĂN LỚ	P11 B19, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Cổ phần phổ thông	443.618	4.436.180.000	7,06	012470890
			Tổng số	443.618	4.436.180.000	7,06	

